

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2022/DS-PT
Ngày: 06/7/2022
V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải;**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thanh Vân;**
Ông **Võ Ngọc Giàu.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Nhi** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 05 năm 2022 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 102/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1970.

1.2. Ông **Nguyễn Hữu L**, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà L, ông L: Ông **Lê Chí Th**, sinh năm 1977.
(Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã P, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 08/6/2022)

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1978. (Có mặt)

2.2. Bà **Huỳnh Thị Trúc L**, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của chị L: Anh **Nguyễn Văn Ch**, sinh năm 1970.
(Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Long An.

(Theo giấy ủy quyền được chứng thực ngày 01/7/2022)

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông **Nguyễn Văn M**, bà **Huỳnh Thị Trúc L**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Do quen biết và là hàng xóm láng giềng rất thân thiết với nhau nên vợ chồng ông L bà L có cho anh M, chị L vay tiền để làm vốn làm ăn (mua bán thanh long) thời gian từ 29/5/2019 đến ngày 08/01/2021 vay nhiều lần với tổng số tiền là 480.000.000 đồng. Trong những lần vay tiền, các bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng và khi nào cần tiền thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay. Khi vay xong thì bà L, ông L chưa có nhận lãi, nay cần lấy lại vốn nên đòi lại số tiền đã cho vay. Tuy nhiên, anh M, chị L hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện việc trả tiền như đã thỏa thuận.

Nay bà Trần Thị L, ông Nguyễn Hữu L yêu cầu anh Nguyễn Văn M, chị Huỳnh Thị Trúc L phải trả cho ông L, bà L số tiền là 480.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn M cùng thống nhất trình bày:

Các biên nhận mà bà L, ông L cung cấp cho Tòa án, Tòa án tiếp cận, công khai chứng cứ là các biên nhận do chúng tôi viết và thống nhất ký tên. Riêng biên nhận ghi ngày 26/7/2019 nợ ông L, bà L số tiền 30.000.000 đồng là không phải nợ bà L mà là nợ em của bà L và sau đó chúng tôi đã trả nợ xong cho em bà L rồi, chị L đưa tiền cho bà L trả cho em bà L. Nay chúng tôi đồng ý trả cho bà L, ông L số tiền 450.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì trả lãi cho vợ chồng bà L rất nhiều lần bạc 15 phân, tức 100.000.000 đồng mỗi tháng trả 15.000.000 đồng, nhưng không có biên nhận trả nợ lãi. Nay do không có tiền, làm ăn thua lỗ, chúng tôi đồng ý trả 450.000.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ông Trần Văn T trình bày: Phía chị L có đưa tiền cho bà L để trả cho em bà L theo biên nhận 30.000.000 đồng ngày 26/7/2019 là có, nhưng chị L anh M có mượn bà L nhiều lần tiền và không ghi biên nhận nên bà L để biên nhận này đòi tiền anh M, chị L các khoản không ghi biên nhận. Nay bà L, ông L cũng không yêu cầu khoản nợ này vì chị L, anh M đã trả xong, nhưng không đồng ý cho chị L, anh M trả nợ dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị L và ông Nguyễn Hữu L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Văn M, chị Huỳnh Thị Trúc L phải trả cho ông L, bà L số tiền còn nợ là 450.000.000 đồng, ngoài ra anh M, chị L không còn nợ bà L, ông L khoản tiền nào khác, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vợ chồng anh Nguyễn Văn M và chị Huỳnh Thị Trúc L thừa nhận chỉ còn nợ ông L, bà L số tiền 350.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả cho bà L, ông L số tiền 350.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, riêng biên nhận ngày 29/5/2019 nợ ông L, bà L số tiền 100.000.000 đồng anh chị đã trả xong, nhưng do tin tưởng nên quên đòi lại biên nhận nợ, do đó nay không đồng ý trả đối với khoản nợ này.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu L và bà Trần Thị L.

Buộc anh Nguyễn Văn M và chị Huỳnh Thị Trúc L có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay **450.000.000** đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) cho ông L, bà L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền, nghĩa vụ thi hành án; nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12 tháng 3 năm 2022, bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị Trúc L có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xử theo hướng cho ông Mười, bà Linh được trả dần số nợ trên mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin miễn giảm án phí dân sự sơ thẩm do hoàn cảnh khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Nguyễn Văn M và người đại diện cho chị Huỳnh Thị Trúc L thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị cho anh M, chị L trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng. Anh Lê Chí Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Hữu L và Trần Thị L không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ y án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên nhận định án sơ thẩm xử buộc phía bị đơn trả cho nguyên đơn 450.000.000 đồng là có căn cứ đúng pháp luật. Các bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp, bổ sung tài liệu chứng cứ mới và yêu cầu kháng cáo cũng không được bên nguyên đơn đồng ý, còn việc

xin miễn giảm án phí cũng không có cơ sở, không thuộc diện được miễn giảm nên đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, giữ y quyết định án sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 03/3/2022 của TAND huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, nghe các đương sự trình bày, tranh luận và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án. Xét thấy:

[1] Bị đơn Nguyễn Văn M và Huỳnh Thị Trúc L thực hiện quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của BLTTDS nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Nguyên đơn Trần Thị L, Nguyễn Hữu L ủy quyền cho Lê Chí Th. Bị đơn Huỳnh Thị Trúc L ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Ch tham gia tố tụng, việc ủy quyền thực hiện đúng quy định tại các Điều 85, 86 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả các khoản nợ đã vay của nguyên đơn. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền và phạm vi xem xét giải quyết theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS và Điều 166, 280, 351, 357, 463, 466, 468 của BLDS năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết: Ông L, bà L là nguyên đơn trình bày: Từ năm 2019 đến năm 2021 ông L và bà L có cho anh M và chị L vay tiền nhiều lần để làm vốn mua bán thanh long. Việc vay mượn có làm biên nhận và thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. khi nào cần lấy lại tiền vay thì bị đơn trả. Tuy nhiên, sau khi cho anh M, chị L vay xong đến lúc cần lấy lại thì anh M, chị L không trả vốn và lãi nên khởi kiện yêu cầu anh M, chị L trả lại 480.000.000 đồng tiền vốn và 2.520.000 đồng lãi ($480.000.000 \times 0,75\% \times 7$ tháng). Tổng cộng 482.520.000 đồng (Bút lục số 01-02)

Bị đơn anh M, chị L thừa nhận có vay tiền ông L, bà L nhiều lần tổng cộng 450.000.000 đồng theo các biên nhận bà L, ông L cung cấp. Riêng biên nhận ngày 26/7/2019 số tiền 30.000.000 đồng là nợ em của bà L, số tiền này anh chị đã gửi tiền cho bà L trả nợ cho em bà L xong, nên anh chị chỉ đồng ý trả cho ông L, bà L 450.000.000 đồng tiền vốn và xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, còn tiền lãi thì không đồng ý trả, vì anh chị đã trả lãi cho vợ chồng bà L, ông L rất nhiều lần với lãi suất 15 phân mỗi tháng trả 15.000.000 đồng nhưng không có làm biên nhận. (Bút lục số 43)

[4] Quá trình giải quyết ông Trần Văn T là người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà L yêu cầu anh M, chị L trả cho ông L, bà L 450.000.000 đồng và không tính lãi (bl 55).

Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà L. Buộc anh M, chị L có nghĩa vụ trả cho ông L, bà L 450.000.000 đồng tiền nợ vay.

[5] Sau khi xử sơ thẩm, anh M, chị L cùng kháng cáo xin được trả nợ dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Xét yêu cầu kháng cáo của anh M, chị L nhận thấy: Nguyên đơn Nguyễn Hữu L, Trần Thị L với bị đơn Huỳnh Thị Trúc L, Nguyễn

Văn M đều thống nhất từ ngày 29/5/2019 đến ngày 08/01/2021 bên nguyên đơn có cho bên bị đơn vay 06 lần tiền tổng cộng 450.000.000 đồng. Mỗi lần vay đều có làm biên nhận. Các biên nhận mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện bị đơn từ bl 45, 46, 48, 49, 50 đều là chữ viết và chữ ký của bị đơn nên anh M, chị L đồng ý trả cho ông L, bà L 450.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không tính lãi (bl 35, 43, 55)

[6] Đại diện nguyên đơn đồng ý không yêu cầu tính lãi nhưng buộc bị đơn phải trả 450.000.000 đồng tiền vay làm một lần, không chấp nhận cho trả dần. Do đó Tòa sơ thẩm xử buộc anh M, chị L trả cho ông L, bà L 450.000.000 đồng là có căn cứ đúng pháp luật.

Anh M, chị L kháng cáo nhưng không cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ mới có ý nghĩa pháp lý làm thay đổi tính chất vụ án và tại Tòa án cấp phúc thẩm anh M và anh Chiêu đại diện cho chị L cùng xác nhận còn nợ ông L, bà L 450.000.000 đồng vốn vay, nhưng không có khả năng trả một lần nên xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng. Tuy nhiên anh Thành đại diện của nguyên đơn cũng không chấp nhận cho anh M, chị L trả nợ dần nên không có cơ sở chấp nhận được.

[7] Về yêu cầu xin được miễn giảm án phí dân sự sơ thẩm của anh M, chị L: Qua xem xét yêu cầu kháng cáo của anh M, chị L và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy anh M và chị L không thuộc một trong các trường hợp được miễn, giảm tiền án phí theo quy định tại Điều 12 và 13 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên không chấp nhận. Giữ y án sơ thẩm.

[8] Về án phí DSPT anh M và chị L phải chịu 600.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của BLTTDS và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xét ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở phù hợp với quan điểm nhận định của Tòa án nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của BLTTDS;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn M và chị Huỳnh Thị Trúc L. Giữ nguyên quyết định án sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 03/3/2022 của TAND huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 148 của BLTTDS;

Căn cứ vào các Điều 166, 280, 351, 357, 463, 466, 468 của BLDS và khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu L và bà Trần Thị L. Buộc anh Nguyễn Văn M và chị Huỳnh Thị Trúc L cùng chịu trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu L và bà Trần Thị L 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) tiền vốn vay.

Kể từ ngày ông L, bà L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu anh M, chị L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn M và chị Huỳnh Thị Trúc L phải chịu 22.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 600.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

- Trả lại ông Nguyễn Hữu L và bà Trần Thị L 11.650.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005195 ngày 22/11/2021 của Chi cục THA DS huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Trả lại anh Nguyễn Văn M và chị Huỳnh Thị Trúc L 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005586 và biên lai thu số 0005587 ngày 30/3/2022 của chi cục THA DS huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV &THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Hoàng Khải